

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 2 (2025-2026)

Lớp học phần: [23400801] - Cầu lông 1 (CCQ2312A)

STT	Thông tin sinh viên							TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học									
1	2122030086	Trần Phú	An	25/02/2004	Nam	CCQ2203C		7,0	V	10,0		8,80		Đạt	
2	2123030045	Nguyễn Thế	Anh	11/01/2005	Nam	CCQ2303B		8,5	V	8,0		8,20		Đạt	
3	2123110233	Lê Đình	Bằng	17/08/2005	Nam	CCQ2311G		7,8	V	8,0		7,90		Đạt	
4	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	Nam	CCQ2324E		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
5	2123180069	Huỳnh Công	Bảo	03/12/2005	Nam	CCQ2318B		3,5	V	6,0		5,00		Đạt	
6	2123220058	Lê Chánh	Bình	18/12/2005	Nam	CCQ2322B		6,8	V	8,0		7,50		Đạt	
7	2123220094	Trịnh Văn	Cường	13/07/2005	Nam	CCQ2322C		4,8	V	7,0		6,10		Đạt	
8	2123220053	Lê Quang	Đạo	03/01/2005	Nam	CCQ2322B		6,8	V	8,0		7,50		Đạt	
9	2123030122	Nguyễn Văn	Định	17/10/2003	Nam	CCQ2303D		7,5	V	6,0		6,60		Đạt	
10	2122190110	Hoàng Thị Thùy	Dương	17/08/2004	Nữ	CCQ2219D		3,3	V	7,0		5,50		Đạt	
11	2123200280	Nguyễn Thành	Giang	23/09/2004	Nam	CCQ2320C		6,3	V	5,0		5,50		Đạt	
12	2122030165	Đinh Văn	Hậu	20/07/2004	Nam	CCQ2203E		6,8	V	8,0		7,50		Đạt	
13	2123190066	Trương Ngọc	Hậu	04/01/2005	Nữ	CCQ2319B		3,5	V	9,0		6,80		Đạt	
14	2123180005	Đoàn Công	Hiển	02/08/2005	Nam	CCQ2318A		4,3	V	6,0		5,30		Đạt	
15	2123300092	Huỳnh Trần Ngọc	Hiệp	05/11/2005	Nữ	CCQ2330C		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
16	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	Nam	CCQ2215C		6,5	V	7,0		6,80		Đạt	
17	2123220039	Phạm Văn	Huy	09/09/2005	Nam	CCQ2322B		6,8	V	6,0		6,30		Đạt	
18	2123110246	Hồ Văn	Khoa	07/03/2005	Nam	CCQ2311G		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
19	2123220029	Lê Anh	Khoa	05/11/2005	Nam	CCQ2322A		6,3	V	5,0		5,50		Đạt	
20	2123220049	Trần Minh	Khôi	10/12/2005	Nam	CCQ2322B		5,8	V	6,0		5,90		Đạt	
21	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	18/05/2005	Nam	CCQ2322C		7,5	V	8,0		7,80		Đạt	
22	2123120519	Bùi Khánh	Linh	02/09/2005	Nữ	CCQ2312I		4,3	V	7,0		5,90		Đạt	
23	2123110100	Nguyễn Ngọc	Mẫn	20/03/2005	Nam	CCQ2311C		4,3	V	6,0		5,30		Đạt	
24	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	08/12/2005	Nam	CCQ2303B		6,8	V	8,0		7,50		Đạt	
25	2122200172	Nguyễn Thị Ái	Nghĩa	30/12/2004	Nữ	CCQ2220E		3,3	V	0,0	V	1,30		Không đạt	Học lại
26	2123120178	Lê Trí	Nguyên	27/01/2004	Nam	CCQ2312D		5,0	V	5,0		5,00		Đạt	
27	2123210195	Nguyễn Thanh	Nhàn	07/07/2004	Nữ	CCQ2321D		6,0	V	7,0		6,60		Đạt	
28	2123030048	Nguyễn Thành	Nhân	24/06/2005	Nam	CCQ2303B		7,3	V	7,0		7,10		Đạt	
29	2123120272	Nguyễn Thị Sô	Ny	06/01/2003	Nữ	CCQ2312E		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
30	2123180056	Trần Ngọc	Phong	08/08/2005	Nam	CCQ2318B		4,8	V	6,0		5,50		Đạt	
31	2123170257	Chu Quang	Phúc	08/07/2005	Nam	CCQ2317H		5,8	V	7,0		6,50		Đạt	
32	2123030199	Nguyễn Thanh	Phúc	15/12/2005	Nam	CCQ2303A		5,5	V	8,0		7,00		Đạt	
33	2123110236	Trần Hữu	Phước	19/07/2005	Nam	CCQ2311G		5,8	V	8,0		7,10		Đạt	

34	2123270069	Trần Hoàng	Phuong	12/11/2004	Nam	CCQ2327B		3,8	V	6,0		5,10		Đạt	
35	2123190032	Từ Nữ Bích	Phượng	10/10/2004	Nữ	CCQ2319A		4,8	V	6,0		5,50		Đạt	
36	2123190067	Đỗ Hàn Uyên	Phượng	19/02/2004	Nữ	CCQ2319B		6,8	V	6,0		6,30		Đạt	
37	2122190020	Hồ Hà Duy	Quang	08/09/2004	Nam	CCQ2219A		6,3	V	5,0		5,50		Đạt	
38	2122030136	Nguyễn Thanh	Sang	07/08/2004	Nam	CCQ2203D		7,5	V	8,0		7,80		Đạt	
39	2121120634	Đoàn Trí	Tài	25/10/2001	Nam	CCQ2112I		4,0	V	7,0		5,80		Đạt	
40	2123220041	Phạm Minh	Tâm	12/01/2005	Nam	CCQ2322B		6,8	V	8,0		7,50		Đạt	
41	2122200089	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	31/07/2004	Nam	CCQ2220C		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
42	2123170272	Nguyễn Đăng	Thắng	29/06/2004	Nam	CCQ2317H		4,5	V	6,0		5,40		Đạt	
43	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	Nam	CCQ2205D		6,0	V	5,0		5,40		Đạt	
44	2122120410	Lê Thị	Thúy	16/03/2004	Nữ	CCQ2212L		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
45	2123220046	Nguyễn Đăng Minh	Tiến	29/06/2004	Nam	CCQ2322B		4,0	V	6,0		5,20		Đạt	
46	2123300011	Phan Trung	Tín	25/02/2005	Nam	CCQ2330A		6,0	V	8,0		7,20		Đạt	
47	2120120032	Nguyễn Ngọc Diễm	Trân	03/01/2001	Nữ	CCQ2012A		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
48	2123110338	Phạm Đình Minh	Trí	04/09/2005	Nam	CCQ2311J		6,0	V	7,0		6,60		Đạt	
49	2123110363	Tôn Thất	Tùng	13/02/2005	Nam	CCQ2311J		7,8	V	8,0		7,90		Đạt	
50	2123110477	Trần Quốc	Tựu	17/01/2005	Nam	CCQ2311L		6,0	V	5,0		5,40		Đạt	
51	2123220012	Trần Thị Yến	Vi	15/03/2004	Nữ	CCQ2322A		5,5	V	8,0		7,00		Đạt	
52	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	Nam	CCQ2303D		8,3	V	4,0		5,70		Đạt	
53	2122170498	Trần Phạm Quốc	Việt	01/03/2004	Nam	CCQ2217M		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
54	2123110337	Trần Văn	Việt	07/01/2005	Nam	CCQ2311J		5,5	V	5,0		5,20		Đạt	
55	2123170131	Hồ Văn	Vinh	03/03/2005	Nam	CCQ2317D		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân